



Tên cũ: Shell Malleus Grease JB

- **Chịu tải nặng**
- **Chịu nhiệt độ cao**
- **Đắt xét**

Shell Gadus S2 U1000D

Mỡ ổ trượt chịu tải nặng chất lượng cao

Shell Gadus S2 U1000D là mỡ công nghiệp chịu nhiệt độ cao và tải nặng ứng dụng cho các ổ trượt tốc độ thấp hoạt động trong điều kiện khắc nghiệt. Nó được chế tạo từ dầu gốc có độ nhớt rất cao và chất làm đặc không xà phòng gốc vô cơ có chứa phụ gia rắn molybdenum disulphide (MoS₂).

Shell Gadus S2 U1000D sẽ bôi trơn hiệu quả và đạt tuổi thọ cao ở nhiệt độ làm việc lên đến 200°C. Nó đặc biệt hữu hiệu đối với các ứng dụng chịu mài mòn lớn hoặc khó tiếp cận.

Ứng dụng

Các ứng dụng phổ biến của mỡ Shell Gadus S2 U1000D là:

- Ổ trượt
- Các chốt Pivot
- Ống lót
- Bánh răng hở
- Ổ đỡ cơ cấu tiếp liệu kiểu ghi
- Các ổ trục máy nghiền xi măng
- Ổ đỡ máy ép mía
- Bánh xe goòng lò nung
- Bánh răng cửa lò nung
- Các cơ cấu trong lò sấy
- Các cơ cấu cam và con đội tốc độ thấp

Shell Gadus S2 U1000D không khuyến cáo sử dụng cho các ổ đỡ lăn.

Ưu điểm kỹ thuật

- **Điểm chảy cao**
Chất làm đặc vô cơ có nhiệt độ nóng chảy cao và chất lượng của mỡ chỉ bị giới hạn bởi đặc tính của dầu gốc và các thành phần phụ gia.
- **Tổn hao mỡ thấp**
Chất làm đặc được xử lý một cách đặc biệt giúp giảm thiểu tiêu hao mỡ ở các ổ đỡ bằng cách giảm khuynh hướng dầu gốc bị rỉ ra khỏi mỡ khi bị gia nhiệt lên cao.
- **Tính năng bay hơi thấp và độ ổn định ôxi hóa tuyệt vời**
Các đặc tính này cho phép mỡ có tuổi thọ cao khi sử dụng ở các ổ đỡ bạc trượt làm việc ở nhiệt độ trong khoảng 10°C và 200°C.



- **Bôi trơn tốt và hệ số ma sát thấp**

Các hạt nhỏ, molybdenum disulphide, được pha trộn một cách hoàn hảo hoạt động như một chất bôi trơn rắn, cung cấp sự bôi trơn tốt và hệ số ma sát nhỏ khi hoạt động dưới các điều kiện khắc nghiệt.

Thời gian tra mỡ

Đối với các ổ đỡ vận hành trong điều kiện gần nhiệt độ khuyến cáo tối đa, thời gian tra mỡ cần phải được xem xét.

Sức khỏe & An toàn

Shell Gadus S2 U1000D không gây bất cứ nguy hại nào về sức khỏe và an toàn khi sử dụng đúng theo khuyến cáo và các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh công nghiệp được duy trì. Tránh tiếp xúc lâu dài với da.

Để có thêm hướng dẫn về An toàn và Sức khỏe xin tham khảo Phiếu dữ liệu an toàn sản phẩm Shell tương ứng.

Chỉ dẫn

Có thể tham khảo Đại diện Shell về các ứng dụng không được đề cập trong tờ giới thiệu này.

Các tính chất vật lý điển hình

Mỡ Shell Gadus	S2 U1000D	
Độ đặc NLGI	1	2
Màu sắc	Xám đậm	Xám đậm
Chất làm đặc	Đất sét Bentonite	Đất sét Bentonite
Dầu gốc (loại)	Gốc khoáng	Gốc khoáng
Độ nhớt dầu gốc @ 40°C cSt 100°C cSt (IP 71/ASTM-D445)	1000 42	1000 42
Độ xuyên kim Worked @ 25°C 0.1 mm (IP 50/ASTM-D217)	310-340	265-295
Điểm nhò giọt °C (IP 132/ASTM-D566-76)	300	300

Những tính chất này đặc trưng cho sản phẩm hiện hành. Những sản phẩm trong tương lai có thể thay đổi chút ít cho phù hợp theo quy cách của Shell.